

Lịch ngày làm việc cho năm 2021. (Người israel)

TIMESLES.COM

Tháng 1

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
53					1	2	3
01	4	5	6	7	8	9	10
02	11	12	13	14	15	16	17
03	18	19	20	21	22	23	24
04	25	26	27	28	29	30	31

Tháng 4

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
13				1	2	3	4
14	5	6	7	8	9	10	11
15	12	13	14	15	16	17	18
16	19	20	21	22	23	24	25
17	26	27	28	29	30		

Tháng 7

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
26				1	2	3	4
27	5	6	7	8	9	10	11
28	12	13	14	15	16	17	18
29	19	20	21	22	23	24	25
30	26	27	28	29	30	31	

Tháng 10

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
39					1	2	3
40	4	5	6	7	8	9	10
41	11	12	13	14	15	16	17
42	18	19	20	21	22	23	24
43	25	26	27	28	29	30	31

Tháng 2

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
05	1	2	3	4	5	6	7
06	8	9	10	11	12	13	14
07	15	16	17	18	19	20	21
08	22	23	24	25	26	27	28

Tháng 5

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
17						1	2
18	3	4	5	6	7	8	9
19	10	11	12	13	14	15	16
20	17	18	19	20	21	22	23
21	24	25	26	27	28	29	30
22	31						

Tháng 8

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
30							1
31	2	3	4	5	6	7	8
32	9	10	11	12	13	14	15
33	16	17	18	19	20	21	22
34	23	24	25	26	27	28	29
35	30	31					

Tháng 11

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
44	1	2	3	4	5	6	7
45	8	9	10	11	12	13	14
46	15	16	17	18	19	20	21
47	22	23	24	25	26	27	28
48	29	30					

Tháng 3

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
09	1	2	3	4	5	6	7
10	8	9	10	11	12	13	14
11	15	16	17	18	19	20	21
12	22	23	24	25	26	27	28
13	29	30	31				

Tháng 6

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
22		1	2	3	4	5	6
23	7	8	9	10	11	12	13
24	14	15	16	17	18	19	20
25	21	22	23	24	25	26	27
26	28	29	30				

Tháng 9

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
35			1	2	3	4	5
36	6	7	8	9	10	11	12
37	13	14	15	16	17	18	19
38	20	21	22	23	24	25	26
39	27	28	29	30			

Tháng 12

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
48			1	2	3	4	5
49	6	7	8	9	10	11	12
50	13	14	15	16	17	18	19
51	20	21	22	23	24	25	26
52	27	28	29	30	31		

Giai đoạn	Số ngày			Giờ làm việc mỗi tuần		
	Lịch ngày	Ngày làm việc	Ngày nghỉ	40 giờ tuần	36 giờ tuần	24 giờ tuần
Tháng 1	31	21	10	168	151.2	100.8
Tháng 2	28	19	9	152	136.8	91.2
Tháng 3	31	23	8	184	165.6	110.4
Tháng 4	30	21	9	168	151.2	100.8
Tháng 5	31	20	11	160	144	96
Tháng 6	30	22	8	176	158.4	105.6
Tháng 7	31	22	9	176	158.4	105.6
Tháng 8	31	22	9	176	158.4	105.6
Tháng 9	30	17	13	136	122.4	81.6
Tháng 10	31	21	10	168	151.2	100.8
Tháng 11	30	22	8	176	158.4	105.6
Tháng 12	31	23	8	184	165.6	110.4
1 phần tư	90	63	27	504	453.6	302.4
2 phần tư	91	63	28	504	453.6	302.4
1 nửa năm	181	126	55	1008	907.2	604.8
3 phần tư	92	61	31	488	439.2	292.8
4 phần tư	92	66	26	528	475.2	316.8
2 nửa năm	184	127	57	1016	914.4	609.6
1 năm	365	253	112	2024	1821.6	1214.4

26 thg 2, 2021	Purim (Tel Aviv)	7 thg 9, 2021	Rosh Hashanah
27 thg 2, 2021	Shushan Purim (Jerusalem)	8 thg 9, 2021	Rosh Hashana (Ngày 2)
28 thg 3, 2021	Lễ Vượt Qua (Ngày 1)	16 thg 9, 2021	Yom Kippur
3 thg 4, 2021	Lễ Vượt Qua (Ngày 7)	21 thg 9, 2021	Sukkot (Ngày 1)
15 thg 4, 2021	Vào ngày bạn sẽ bị đánh bại	28 thg 9, 2021	Shemini Atzeret
17 thg 5, 2021	Shavuot	28 thg 9, 2021	Simchat Torah